

# Dân tộc học



## NƯỚC NGOÀI

## TÌM HIỂU TÍN NGƯỠNG THÀNH HOÀNG Ở HÀN TỘC (QUA ĐỐI SÁNH VỚI TÍN NGƯỠNG THÀNH HOÀNG Ở VIỆT TỘC)

CAO THẾ TRÌNH

1. Trong quá trình tìm hiểu văn hóa dân gian Hàn Quốc, chúng tôi thực sự bị hấp dẫn trước một hiện tượng văn hóa độc đáo - *seong hwang sin ang* (“tín ngưỡng thành hoàng”) với không ít những điểm tương đồng và dị biệt so với loại hình thờ phụng có cùng tên gọi ở Việt tộc, qua đó gợi lên không ít những hứng thú trong cảm nhận và thức nhận về Nhân học - Dân tộc học.

2. Về tín ngưỡng thành hoàng ở người Việt, trong suốt gần một thế kỷ qua đã có nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, giới thiệu (Phan Kế Bính, 1915/1995; Nguyễn Văn Khoan, 1931; Đào Duy Anh, 1938; Nguyễn Văn Huyền, 1944; Toan Ánh, 1966; Nguyễn Bá Lăng, 1987; Nguyễn Duy Hinh, 1996; Hà Văn Tấn, 1998)... Thế nhưng, những thông tin về tín ngưỡng thành hoàng ở Hàn tộc bằng Việt ngữ, theo hiểu biết hiện nay của chúng tôi, chỉ mới được đề cập rất sơ lược với tên gọi “thần làng”, dài 2 trang in (khổ 13 cm x 19 cm) trong một công trình giới thiệu tổng quan về văn hóa Hàn Quốc (Nguyễn Long Châu, 2000, tr. 99-100). Về phần mình, chúng tôi có may mắn được làm quen với công trình *Văn hóa Hàn Quốc* -

*những điều bí ẩn* của GS. TS. Joo Kang Hyun<sup>1</sup> (Joo Kang Hyun, 2006). Trong công trình 2 tập với hơn 600 trang in, GS. TS. Joo Kang Hyun đã giới thiệu nhiều phương diện khác nhau về văn hóa dân gian ở Hàn tộc, trong đó tác giả dành 18 trang viết và 17 hình ảnh để giới thiệu về hiện tượng *seong hwang si* (“thành hoàng từ”, còn gọi là *seong hwang dang* - “thành hoàng đường”) hay *seo nang dang* (“seo nang đường”). Từ những thông tin ban đầu, chúng tôi đã trao đổi với các bạn đồng nghiệp Hàn Quốc (hiện đang công tác tại Đại học Đà Lạt) những vấn đề có liên quan để có thêm nhận thức về hình thái tín ngưỡng rất đáng quan tâm này ở Hàn tộc.

3. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên trước hết là những bức ảnh chụp về *thành hoàng từ* và *thành hoàng đường* trong cuốn sách đó. Khác với những ngôi đình uy nghi bề thế ở người Việt, *thành hoàng từ* (“đền thờ thành hoàng”) ở người Hàn chỉ là một ngôi nhà nhỏ lợp ngói lòng máng, có phần xập xệ, đứng chơ vơ, tro trọi bên bìa rừng hoặc đìu hiu, cô quạnh giữa rừng vắng; còn

<sup>1</sup> GS. TS. Joo Kang Hyun (Chu Cương Huyền), Viện trưởng Viện Dân tộc học Hàn Quốc, kiêm Giáo sư Trường Đại học Kyong Hee (Khánh Hy).

*thành hoàng đường* (nguyên nghĩa - “nhà thờ thành hoàng”), thì không hề thấy bóng dáng nhà cửa, chỉ có mỗi một trụ đá với mấy dòng chữ Hán, trông tựa một tấm bia. Đáng chú ý hơn cả là trong rất nhiều trường hợp - *seo nang đường* chỉ là gốc cây cổ thụ có cột những chùm tua vải nhiều màu. Lại có cả những *seo đường* là một hay vài đồng đá trơ trụi ven đường (nom như mộ ông ăn mày ở người Việt). Tóm lại, về ngoại hình - những “kiến trúc” liên quan tới thờ phụng thành hoàng ở Hàn tộc cách xa “một trời một vực” so với những ngôi đình “oai phong lẫm liệt” với những cây cột ôm không xuể giữa các làng quê Việt. Nói một cách khác, nhìn thoáng qua, về phương diện kiến trúc, thành hoàng từ/ thành hoàng đường ở Hàn tộc không có gì đáng giá; trái lại đình làng Việt là một trong những loại hình kiến trúc tiêu biểu trong kho tàng kiến trúc Việt Nam, là niềm kiêu hãnh, tự hào của các làng quê đất Việt. Cùng với cây đa, bến nước và những làn khói lam chiều, từ lâu đình làng Việt đã trở là biểu tượng về làng xưa - xóm cũ, không dễ phai mờ trong tâm khảm của những người xa xứ<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Theo GS. TS. Oh Jong Ho, 62 tuổi - Giáo sư, Tiến sĩ Văn học, giảng viên tình nguyện tại khoa Đông phương học, Trường Đại học Đà Lạt, ở Hàn Quốc cũng có những ngôi đình, nhưng đó chỉ là nơi hóng mát (*luong đình*), chứ không có gì liên quan tới tín ngưỡng thành hoàng.

Cũng cần nói thêm, theo khảo sát của chúng tôi, mặc dù chữ *đình* là một từ có nguồn gốc từ chữ Hán, nhưng trong Hán ngữ, từ *đình* chỉ một kiến trúc vật không lớn, diện tích mặt bằng không lớn, độ khoảng trên dưới 10 m<sup>2</sup>, là nơi dừng chân nghỉ ngơi sau một chặng đường dài - tức *đình trạm/ dịch đình* (như *ngũ lý đình, thập lý đình...*), hoặc trong chốn hoa viên (*luong đình, đình tạ...*), chứ tuyệt nhiên không phải là nơi thờ phụng thành hoàng như ở người Việt. Xem thêm: *Từ Hải*, 1979, tr. 353; *Từ Hoa Đang, Dương Xung Tiêu*, 1986. Chúng tôi cũng đã đề cập tới vấn đề này trong một bài viết có liên quan. Xem thêm: Cao Thế Trinh, 1999, tr. 70-79.

4. Tất nhiên, vấn đề nêu trên chỉ mới là những cảm nhận ban đầu liên quan tới quy mô và hình thức của cơ sở thờ tự. Điều quan trọng hơn là các vị thần được tế tự bên trong những kiến trúc vật đó có “dung mạo, thần thái” như thế nào và nhất là khả năng “âm phù”, “linh ứng” của các vị đó ra sao?

Trước hết, về nguồn gốc, cũng tương tự như trong tiếng Việt, thuật ngữ *Thành hoàng* trong Hán ngữ là một từ gốc Hán, chỉ một hiện tượng văn hóa thờ các vị *thủ hộ thần* (thần bảo vệ, che chở cho dân chúng trong một phạm vi thành trì bao bọc) ở người Hán, được du nhập vào Goryeo (Cao Ly) dưới thời vua Munjong (1046-1083), được triều đình phong kiến xếp vào hàng *trung tế* trong *Quốc triều lễ nghi* của nhà nước. Về phương diện quản lý, *Thái triều luật tục* Cao Ly quy định: Các miếu thờ thần và thành hoàng ở các huyện đều được nhà nước thờ cúng, nhưng các thành hoàng quận, huyện nào thì do quận, huyện đó lập và thủ lĩnh các khu vực này sẽ cử hành cúng tế vào mùa xuân và mùa thu. Ngay từ thời đó, hiện tượng thờ thành hoàng ở Cao Ly khá phổ biến. Chỉ riêng trong cuốn *Tân tăng Đông quốc dữ thắng địa lãm* đã liệt kê được số lượng miếu thờ thành hoàng lên tới 336 cái (Dẫn theo: Joo Kang Hyun, 2006, tr. 196). Điều đó chứng tỏ, cũng tương tự như ở người Việt, tín ngưỡng thành hoàng ở Hàn tộc là một khái niệm vay mượn từ văn hóa Hán trong quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa giữa hai dân tộc.

Điều đáng chú ý là: Nếu như ở nhiều ngôi đình làng Việt, trên long khám/ long ngai thường có một hộp gỗ (có kích cỡ khoảng 15 cm x 15 cm x 65 cm) hoặc những ống quyển (có kích cỡ 2R = 10 cm x 65 cm)

son son thếp vàng, bên trong có các bản *thần phả/ thần tích* (lý lịch của vị thần) và có thể còn có cả *sắc phong* của triều đình phong kiến liên quan tới vị thần được thờ tự; nhưng qua tìm hiểu, chúng tôi không hề bắt gặp các bản *thần phả* của các vị thành hoàng ở Hàn Quốc và càng không thấy những bản *sắc phong* của các triều đình phong kiến Cao Ly, Chô Sơn (Triều Tiên) cho các vị thành hoàng xứ này. Vì sao? Theo GS. TS. Oh Jong Ho, vì phần lớn các thành hoàng/*seo nang* ở người Hàn chủ yếu là những gốc cây, hòn đá, nên không có “lý lịch”. Trong các ngôi “miếu” nhỏ chỉ có một chiếc bàn đơn giản cùng những tua vải nhiều màu treo lủng lẳng liên quan tới sa man giáo, chứ không có điện thờ với *hoành phi - câu đối* ca tụng công tích của đức thành hoàng, *long khám/ long ngai* đặt bài vị của vị thần đó và cũng không hề có *tam sự/ ngũ sự* trên hương án, chưa kể tới *tàn lọng, chiêng trống, bát bửu...* như trong các ngôi đình Việt. Điều này cũng phù hợp với nội dung bài thơ *Thành hoàng phụ* của nhà thơ Cao Ly - Kwon Pil (1569-1612):

*Tôi rời Pan-gyo vào một buổi sáng  
Đi đến huyện Gu-seong ở phía Nam  
Ven đường có một thành hoàng đường  
rêu phong  
Khu rừng sao mà um tùm vậy?  
Tôi nghe kể: Từ xưa trong khu rừng  
ấy có một con ma  
Khách qua rừng ai cũng muốn mình  
được phước  
Nên buộc tiền giấy vào cành cây  
Rồi hướng về thành hoàng đường  
trong rừng*

*Thành tâm cầu khẩn:*

*Xin giúp tôi được thượng lộ bình an  
suốt cuộc hành trình*

*Xin giúp ngựa của tôi khỏe mạnh,  
Vó ngựa không chôn!*

(Dẫn theo: Joo Kang Hyun, 2006, tr. 195).

Bài thơ trên tạo nên sự liên tưởng với ứng xử của nhiều người Việt khi đi ngang mộ ông ăn mày (chết vào giờ thiêng) - họ thường thấp một nén hương hay đặt hòn đất/ đá lên mộ để cầu may mắn. GS. TS. Joo Kang Hyun cũng giải thích, vào thời Im Je, thành hoàng được xem là *vị thần bảo vệ khách qua đường*. Bên cạnh thành hoàng đường có những cây thần, người ta treo tiền giấy lên những cành cây đó và hướng về phía đền thành hoàng cầu khẩn.

Chúng tôi chỉ bắt gặp duy nhất có một trường hợp thành hoàng xứ Hàn là *nhân thần*. Đó là trường hợp Kim Byon Ka - thành hoàng ở vùng Sun - cheon, tỉnh Cheo-la. Sách *Giang Nam lục phủ* có chép về vị thần này như sau:

*Kim Byol Ka là nhân vật xuất chúng  
Dù khi sống không làm được Bình  
Nhiệm trưởng quân  
Nhưng khi chết đã trở thành thần  
Thành Hoàng  
Âm đức của ông phù hộ độ trì cho  
con cháu.  
Trong dòng họ của ông, đời nọ qua  
đời kia xuất hiện nhiều văn quan, võ tướng  
hiền minh  
Hắn ngài phải thấy được điều đó chứ  
Tiến lễ son - bắt chấp nắng mưa -  
muôn đời cao vời vợi.*

*Cho tới bây giờ người đời vẫn cúng tiến vào mùa Xuân và mùa Thu.*

(Dẫn theo: Joo Kang Hyun, 2006, tr. 197).

Không nghi ngờ gì nữa, đây là trường hợp thành hoàng là một nhân thần có lai lịch khá rõ ràng, sinh thời có công đức với dân chúng, khi mất đi được hậu thế tri ân, xuân thu nhị kỳ tiến cúng. Hoàn toàn có thể liên tưởng Kim Byol Ka với Nguyễn Công Trứ hay Trần Khát Chân ở người Việt.

Tuy nhiên, ngoài một trường hợp hy hữu nêu trên, tuyệt đại các trường hợp còn lại là *seo nang đường* - gốc cây/ đồng đá, thậm chí - khi nói tới *seo nang đường*, đa số người Hàn Quốc hôm nay hình dung ngay đó là những gốc cây hay đồng đá và có khi chúng còn bị xem như là những *dâm từ/ âm từ*<sup>3</sup>.

Điều đó chứng tỏ, cũng giống như ở người Việt, tuy nguồn gốc khái niệm thành hoàng ở người Hàn được du nhập từ văn hóa Hán, song diện mạo, vai trò của các vị thần này lại chẳng có gì liên quan đến “thành” hay “hào”, tức phạm vi trấn trị của các vị “đại đô thành hoàng” ở Hán tộc. Nói một cách khác, ngoài danh xưng “thành hoàng”,

cũng giống như thành hoàng Việt (là “thành hoàng làng”), về bản chất, thành hoàng Hàn hoàn toàn là một phạm trù thuộc văn hóa truyền thống của Hàn tộc, hầu như vẫn nằm bên lề những tác động của văn hóa Hán.

Cũng cần nói thêm, một trong những điểm khác biệt lớn giữa thành hoàng Hàn và thành hoàng Việt là ở chỗ: Các triều đại phong kiến Việt Nam đã khẳng định uy quyền của mình với tín ngưỡng thành hoàng bằng cách ban sắc phong cho các vị thần đó và theo tấu trình của dân chúng các địa phương về mức độ linh ứng của các “ngài”, triều đình còn “thăng cấp” cho các vị thành hoàng từ *hạ đẳng thần* → *trung đẳng thần* → *thượng đẳng thần*; trong khi đó, các vua chúa xứ Hàn chưa với tay “quản lý” xét sao tới loại hình tín ngưỡng dân gian này; vì vậy có thể nói, tục thờ thành hoàng ở người Hàn vẫn là một hiện tượng văn hóa dân gian “thuần khiết”, “trình nguyên”, chưa bị pha tạp, khúc xạ bởi ý thức hệ Nho giáo.

5. Từ những nhận thức nêu trên đã gợi mở những vấn đề liên quan tới tìm hiểu nguồn gốc của tín ngưỡng thành hoàng ở người Việt.

Rõ ràng, những điểm khác biệt vừa nêu giữa tín ngưỡng thành hoàng Việt với *seong hwang sin ang* ở Hàn tộc là kết quả của việc so sánh giữa hình thức tín ngưỡng này ở người Hàn với những trường hợp tiêu biểu, đặc sắc của tục thờ thành hoàng ở người Việt trong các thế kỷ XVII - thế kỷ XX. Đó là sự so sánh giữa *seong hwang si* (“thành hoàng từ”) hay *seo nang dang* với những ngôi đình Việt có quy mô bề thế và bề dày hàng trăm năm tuổi như đình Tây Đằng, đình Chu Quyển, đình Đình Bảng...;

<sup>3</sup> Theo GS. TS. Joo Kang Hyun, cho tới nay trong các vùng nông thôn Hàn Quốc vẫn tồn tại khá nhiều *seo nang đường* và khẩu ngữ dân gian thường đồng nhất *seo nang đường* với *thành hoàng đường*. Các nhà khoa học Hàn Quốc có phân biệt giữa 2 thuật ngữ nêu trên. GS. TS. Joo Kang Hyun cho rằng, *thành hoàng đường* là hiện tượng thờ phụng ở cấp quốc gia, còn *seo nang đường* là hình thái tín ngưỡng địa phương, gắn chặt với phương thuật (shamanism). Từ các thế kỷ XVII, XVIII về sau, các *thành hoàng đường* bị dân gian hóa thành *seo nang đường*. Nhà dân tộc học Jeong Sung Mo cũng có lý giải tương tự. Lại có những học giả đã cố cắt nghĩa về sự biến âm của các từ *thuyền vương đường* (Son Jin Tae, dẫn theo: Jo Kang Hyun, 2006, tr. 205), *son hoàng* (thần núi) chuyển hóa thành *seon wang*, rồi trở thành *seo nang*...

còn nếu ngược dòng thời gian về trước và ở những trường hợp không tiêu biểu khác thì sao? Có một thực tế là, không phải ở làng quê nào trên đất Việt cũng có những ngôi đình “hoành tráng”. Không ít làng Việt hiện nay không còn đình nữa (nhất là ở khu vực Bắc Trung bộ), mà một trong những nguyên nhân của sự “mất đi không trở lại” đó là do “lúc sinh thời” chúng chẳng có gì đặc biệt. Ngoài ra, “tiên thân” của những ngôi đình Việt là gì? Không ít nhà nghiên cứu cho rằng, đình làng Việt chỉ xuất hiện từ thế kỷ XV gắn với sự độc tôn Nho giáo (Đình Gia Khánh, 1990, tr. 300-301). Thế còn trước đó, ở người Việt có thần hoàng/ thành hoàng chưa? Từ kết quả nghiên cứu hiện tượng *seong hwang sin ang* ở Hàn tộc, chúng tôi cho rằng, trước đó ở người Việt đã có tục thờ *then wang* (“thần làng”)<sup>4</sup> và khả năng lớn là các vị thần đó được thờ ở những kiến trúc vật có quy mô khiêm tốn hơn những ngôi đình rất nhiều. Đó chính là *nghe*, *miếu*, hay *đường*, *mả*, *đống* vô chủ... thường nằm ở bìa làng hay những gò hoang, ở dạng đơn giản nhất - chúng chỉ là *gốc cây* - *hòn đá* (Nguyễn Duy Hinh, 1996, tr. 101-105).

Suy luận trên đây có một căn cứ là: vào những dịp làng Việt mở hội, bao giờ cũng bắt đầu bằng một đám rước thành hoàng từ miếu về đình. Từ đó, có thể suy luận - *nghe*/ *miếu* mới là nơi ngụ cư ban đầu và thường xuyên của thành hoàng. *Đình* chỉ trở thành nơi thờ thành hoàng từ các thế kỷ XV, XVI - khi điều kiện kinh tế cho phép và

triều đình phong kiến Đại Việt đã khôn khéo “lồng ghép” nó với ý thức hệ Nho giáo<sup>5</sup>.

Hiển nhiên là không thể đồng nhất tục thờ thành hoàng với sự “lên ngôi” của Nho giáo. Thờ thần làng là một nhu cầu của nhiều cộng đồng cư dân từ trong các xã hội tiền giai cấp/tiền nhà nước, khi họ quần cư với nhau theo quan hệ láng giềng. Họ cần một vị thần chung - không nhất thiết thuộc về một dòng họ nào, che chở cho hết thầy cộng đồng cư dân tụ cư trên một địa bàn tương đương với làng ở người Việt sau này. Chẳng hạn, tục thờ *Then Wang* - “thần mừng, thần bản” ở người Mường, thờ *Phi bản* ở người Thái, *Giang bon* hay *Giang plây* ở các cư dân Thượng Trường Sơn - Tây Nguyên... - những tộc người chưa hoặc ít chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán. Không phải ngẫu nhiên, tuyệt đại đa số các vị thành hoàng ở Việt Nam là các vị thần làng/ mừng/ buôn/ bản, không có một thành tri nào bao bọc cả, mà chở che, bảo hộ cho một cộng đồng cư dân được bao bọc xung quanh một lũy tre xanh/ những cánh rừng/ những con suối... Theo chúng tôi, tương tự như nhiều hiện tượng văn hóa ngoại sinh khi du nhập vào một cộng đồng cư dân khác, nó khó lòng giữ được nguyên vẹn nội dung và hình thức biểu hiện ban đầu; mà thường gặp hơn vẫn là hiện tượng giao thoa - tiếp biến cho phù hợp với nhu cầu của cư dân bản địa. Đại đô thành hoàng ở người Hán khi truyền

<sup>4</sup> Chúng tôi sử dụng thuật ngữ này từ tiếng Mường theo PGS. Nguyễn Từ Chi (Xem: Nguyễn Từ Chi, 1996, tr. 131-140), bởi tiếng Việt có cội nguồn từ tiếng Việt - Mường chung và chỉ bắt đầu tách ra từ thế kỷ X.

<sup>5</sup> Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, tháng 8 năm 1231, Thượng hoàng Trần Thái Tông xuống chiếu rằng trong nước hễ chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng thờ Phật, bởi thườ hàn vi có lần Thượng hoàng nghỉ ở đình trạm, có một nhà sư bảo rằng: “Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý”. Nhân đó mới có lệnh này (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2003, tr. 15). Chi tiết này chứng tỏ thời nhà Trần, ngôi đình ở nước ta vẫn chỉ là đình trạm.

vào cộng đồng Việt hay Hàn đã tích hợp với những tín ngưỡng bản địa vốn có (thờ *seo nang* ở người Hàn, thờ thần làng ở người Việt) và bản địa hóa (Hàn hóa/ Việt hóa) để phù hợp với tâm thức của cộng đồng cư dân tiếp nhận nó.

Như vậy, nếu đem so sánh giữa thành hoàng từ/ thành hoàng đường ở Hàn tộc và những nghề/ miếu - những dạng thái ban đầu của tín ngưỡng thành hoàng ở Việt tộc, xem ra cũng chẳng có gì khác biệt lớn, trái lại nom chúng cứ tựa là “anh em, họ hàng” thân thiết.

6. Cũng cần lưu ý, theo thần phả và lời kể của dân chúng, thành hoàng/ thần làng ở người Việt có thành phần xuất thân khá đa dạng: *nhiên thần/ thiên thần* (thần núi, thần sông, thần thổ công - thổ địa, thần rắn, nhân vật huyền thoại...) và *nhân thần* (những người “sinh vi tướng, tử vi thần” như Trần Hưng Đạo, Trần Khát Chân...), những người có công “khai điền, khẩn tịch” tạo lập ra làng như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Hữu Cảnh... cho đến những vị thần “dâm bôn, bậy bạ” - thần ăn mày, thần gắp phân, thần chết nghẹn, thần tà dâm... (Phan Kế Bính, 1995, tr. 60). Tuy nhiên, nếu dựa vào các bản thần phả thành hoàng ở người Việt do Trường Viễn Đông Bác Cổ sưu tầm từ những thập niên 30, 40 của thế kỷ trước, có thể thấy rất nhiều làng Việt ở Bắc bộ, Trung bộ vào tới Nam bộ, thậm chí lên tới thành phố cao nguyên Đà Lạt, đều thờ Cao Sơn, Cao Các: 2.017 làng thờ Cao Sơn, 1519 làng thờ Cao Các (Dẫn theo: Nguyễn Duy Hinh, 1996, tr. 165-166). Cao Sơn, Cao Các là ai? Nhiều bản thần phả khác nhau đưa ra những lai lịch khá khác nhau, song theo PGS. Nguyễn Duy Hinh, thực chất là các vị

son thần (1996, tr. 168), nghĩa là trong nhiều trường hợp - thờ thành hoàng ở người Việt - thực chất cũng là thờ thần núi (rất gần với những nơi tại vị của các vị *seo nang* xứ Hàn hôm nay). Phải chăng, khi chia tay với rừng núi và gò đồi trung du, tiến về vùng châu thổ Bắc bộ và Bắc Trung bộ, trong hành trang tinh thần của tổ tiên người Việt mang theo có tục thờ thần núi. Về sau này, trong quá trình “Nam tiến” (và muộn hơn là “Tây tiến”), họ tiếp tục mang theo các vị thần đó vào phía Nam đất nước.

Cũng cần nói thêm, ngay cả các vị thành hoàng ở người Việt đã có sắc phong, phần đông vẫn là các vị có “lý lịch không rõ ràng”. Trong các bản sắc phong của triều đình, công tích của họ chủ yếu là “hộ quốc tỵ dân”/ “bảo quốc an dân” - tóm lại là rất chung chung. Triều đình phong kiến, cụ thể là bộ Lễ, soạn thảo các bản sắc phong căn cứ vào tấu trình từ các địa phương và tiêu chí hàng đầu là sự linh ứng. Có không ít trường hợp chức sắc các địa phương chạy chọt, thậm chí mua bán sắc phong (nói theo ngôn ngữ ngày nay là “sắc phong dờm”<sup>6</sup>). Bên cạnh đó, dấu tích của tín ngưỡng phồn thực vẫn còn phảng phất trong không ít những ngôi đình làng Việt. Đó là các tục “tắt đèn” trong đêm rã hội ở đình làng La, tục “rước và cướp nõ nường” ở đình làng Dị Nậu, trai gái ôm nhau bắt chạch trong chum ở hội làng Dung... (Toan Ánh, 2005, tr. 222- 253; Cao Thế Trình, 1999, tr. 70-79).

Và như vậy, lại có thêm một bằng chứng nữa chứng tỏ mối quan hệ gần gũi

<sup>6</sup> Thực tế điền dã của chúng tôi đã bắt gặp 3 trường hợp sắc phong kiểu “chạy chọt”, quen biết mà có.

về mặt “thần phận” giữa các vị thành hoàng Hàn với không ít các vị thành hoàng Việt. Thêm một lần nữa, chúng tôi khẳng định, xét đến cùng, bản chất của tục thờ thành hoàng ở người Việt, người Hàn là thờ thần thổ công - thổ địa cho cả một cộng đồng cư dân làng xã (génie tutelaire des villages)<sup>7</sup>, trước khi mang một cái “tên chữ” - thành hoàng.

7. Theo GS. TS. Oh Jong Ho, vào những năm 60 và 70 của thế kỷ trước, với chiến lược “hiện đại hóa Tổ quốc” của Tổng thống Pắc Chung Hy, phần lớn các seo nang đường/ thành hoàng từ ở Hàn Quốc đã bị biến mất khi Nhà nước tiến hành xây dựng các tuyến đường cao tốc, mở mang các khu đô thị mới. Những người Hàn có tâm huyết với văn hóa truyền thống xót xa trước sự băng hoại này không nhiều. Đại đa số dân chúng Hàn Quốc đồng tình với chủ trương đó của Chính phủ. Điều đó chứng tỏ tín ngưỡng thành hoàng ở Hàn tộc không sâu đậm như ở Việt tộc. Trải qua chục thế kỷ tồn tại, seo nang đường ở người Hàn vẫn chỉ là những “thần điện” hoang sơ, tiêu điều rất gần với thờ ban đầu và hiện chỉ còn tồn tại lay lắt ở một số vùng nông thôn hẻo lánh.

<sup>7</sup> Nhân đây chúng tôi cũng bày tỏ sự không tán đồng với GS. Đặng Nghiêem Vạn khi ông quan niệm thành hoàng cũng thuộc phạm trù thờ cúng tổ tiên của làng xã (trong sơ đồ 3 cấp của tục này do ông đưa ra: thờ gia tiên ở mỗi gia đình, thờ thành hoàng ở cấp làng xã, thờ Quốc tổ ở cấp quốc gia). Theo chúng tôi, thờ tổ tiên là thờ ma, còn thờ thành hoàng là thờ thần. Theo quan niệm dân gian, tuyệt đại đa số mọi người chết đi đều thành ma, chỉ cá biệt có một số người “sinh vi tướng, tử vi thần”. Ngay trong trường hợp 3 anh em Lưu - Quan - Trương ở người Hán, duy chỉ có Quan Vân Trường sau khi mất hiển thánh và được thờ phụng ở nhiều nơi, kể cả ở Việt Nam với tên gọi miếu Quan Thánh.

### Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1938), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Đồng Tháp, tái bản năm 2000.
2. Toan Ánh (1966), *Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam*, Quyển thượng, tái bản, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Toan Ánh (2005), *Nếp cũ - Hội hè, đình đám*, Quyển hạ, tái bản, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Phan Kế Bính (1995), *Việt Nam phong tục*, tái bản, xuất bản lần đầu vào năm 1915, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Long Châu (2000), *Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc*, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Từ Chi (1996), “Từ “then wang” Mường thắc mắc về thành hoàng ở người Việt”, trong: Nguyễn Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người*, Nxb Văn hóa Thông tin, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội, tr. 131-140.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư* (2003), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
8. Từ Hoa Đang, Dương Xung Tiêu (1986), *Trung quốc đích đình*, Kinh công nghiệp xuất bản xã (chữ Hán).
9. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành Hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Huyền (1944), *La Civilisation annamite*, Bản dịch tiếng Việt - Văn minh Việt Nam, Nxb Hội nhà văn, Công ty Văn hóa phương Nam phát hành năm 2005.

11. Joo Kang Hyun (2006), *Văn hóa Hàn Quốc - những điều bí ẩn*, Nxb Hankire, Seoul (bản chữ Hàn).

12. Đinh Gia Khánh (1990), “Nho giáo với văn hóa dân gian và hiện tượng đình làng”, trong: *Nho giáo - xưa và nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

13. Nguyễn Văn Khoan (1931), “Essair sur le đình et le culte génie tutélaire des villages au Tonkin” trong: *B. E. F. E. O.*, XLV, Số 30.

14. Nguyễn Bá Lăng (1987), “Đình làng”, *Tap chí Làng văn* (Tap chí của Việt kiều ở hải ngoại), Số 40 (12/1987).

15. Hà Văn Tấn (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Cao Thế Trinh (1999), “Dấu vết của một hình thái quần hôn trong các loại hình nhà công cộng truyền thống ở Đông Nam Á”, *Tap chí Dân tộc học*, Số 2 (102), tr. 70-79.

17. *Từ Hải* (1979), Thượng Hải từ thư xuất bản xã (chữ Hán), tr. 353.



Lễ đưa dâu của người Mường ở xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

Ảnh: Nguyễn Thâm Thu Hà